

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Bắc, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: phường S, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Võ Nhị Trường T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Võ Nhị Trường T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: chị N và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Võ Nhị Trường T gồm 05 chỉ vàng 23K trị giá 18.500.000 đồng; 01 dây chuyền 18K trị giá 17.000.000 đồng; 01 đôi bông tai kim cương trị giá 33.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 12 Promax trị giá 33.990.000 đồng; 01 xe honda hiệu Vision biển kiểm soát 71B4-11451 trị giá 34.422.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 137.412.000 đồng và toàn bộ tài sản do chị N quản lý. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Võ Nhị Trường T mỗi người được chia một nửa giá trị tài sản.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N được nhận hiện vật nên được sở hữu 05 chỉ vàng 23K trị giá 18.500.000 đồng; 01 dây chuyền 18K trị giá 17.000.000 đồng; 01 đôi bông tai kim cương trị giá 33.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 12 Promax trị giá 33.990.000 đồng; 01 xe honda hiệu Vision biển kiểm soát 71B4-11451 (do chị N đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô) trị giá 34.422.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N có trách nhiệm hoàn trả cho anh Võ Nhị Trường T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 68.706.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về nợ chung: không giải quyết trong cùng vụ án do chị N, anh T tự khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình 150.000 đồng chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện chịu, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị N phải nộp 1.717.500 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002378 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Chị N còn phải nộp thêm 1.567.500 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Võ Nhị Trường T phải nộp 1.717.500 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.736.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002445 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Anh T được nhận lại 18.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã M (Số 15/2018, ngày 23/4/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lăng